TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2018/HS-ST
Ngày: 09/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Pha;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Kim Thải;

- Bà Trần Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (tăng cường cho Tòa án nhân dân huyện P).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Phan Đình P – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 17/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.**Võ Ngọc Tr** (tên gọi khác: Linh), sinh năm 1981; nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: Mù chữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành L (chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1952; vợ: Võ Thị Tường V, sinh năm 1990; có 02 con lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Trịnh Ngọc Th**, sinh năm 1986; nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: Mù chữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc C (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941; vợ: Đỗ T (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1979; nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: Mù chữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B, sinh năm 1937 và bà Võ Thị H, sinh năm

1948; vợ: Trần Thị Kim L, sinh năm 1981; có 02 con lớn sinh năm 2002 và nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. **Bùi Văn M** (tên gọi khác: Teo); sinh năm 1991; nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: 04/12; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Phương B, sinh năm 1967; vợ: Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Nhất B, sinh năm 1980; Nơi ĐKTT: Khu phố Đ1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. Lê Ngọc T1, sinh năm 1987; Nơi ĐKTT: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

3. Nguyễn T2, sinh năm 1988; Nơi ĐKTT: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

4. Trương Văn P1, sinh năm 1983; Nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

5. Lâm Văn T3, sinh năm 1999; Nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

6. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1986; Nơi ĐKTT: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

7. Phan T4, sinh năm 1982; nơi ĐKTT: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

8. Võ Minh T5, sinh năm 1977; nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

9. Phan Văn S, sinh năm 1973; nơi ĐKTT: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện kế hoạch số 02/KH-PH ngày 19/3/2018 của UBND xã H về việc tuần tra bảo vệ rừng. Khoảng 12 giờ ngày 22/3/2018, anh Nguyễn Nhất B, cán bộ Kiểm lâm huyện P và anh Nguyễn T2 - Cán bộ Lâm nghiệp xã đi tuần tra bảo vệ rừng tại khu vực S, Tiểu khu 267 thuộc thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên thì phát hiện xe máy cày kéo rơ – mooc vận chuyển 15 bao than trái phép, thấy lực lượng tuần tra xe máy cày đổ than bỏ chạy (không xác định được người điều khiển máy cày và chỉ số than trên). Nên anh B gọi điện cho anh Trần Quốc T6, Phó Chủ tịch UBND xã H báo cáo và xin thêm lực lượng hỗ trợ bắt giữ số than trên. Sau khi nhận được điện thoại anh T6 phân công anh

Phan T4 – Trưởng công an xã; anh Nguyễn Ngọc C, Công an viên; anh Lê Ngọc T1 – Dân quân xã cùng lên tham gia hỗ trợ cho tổ công tác và thuê xe ô tô tải biển số 78C-028.36 của anh Huỳnh Tấn H, trú tại: Thôn N, xã H, huyện P để vận chuyển 15 bao than về UBND xã H, sau khi đưa than lên xe anh T4 và C về trước, anh T2 và T1 đi với xe chở than, còn anh B đi xe mô tô theo sau. Khi đi đến khu vực gò Đạo thuộc thôn N, xã H, huyện P thì bị Võ Ngọc Tr dùng xe mô tô biển số 78E1- 115.09 chặn trước xe ô tô tải, ngăn cản không cho xe ô tô tải đi, rồi lấy câu liêm kê vào cổ anh B đe dọa: "Mày mà bắt cây tao lần nữa là tao cắt cổ mày luôn", sau đó dùng đầu húc vào mặt anh B. Thấy vậy, T1 xuống xe nói: "Anh em đang làm nhiệm vụ sao chặn đường" thì Tr quay sang kê câu liêm vào cổ T1 nói: "Đây là chuyện của tao, tụi bay biết gì mà nói". Nghe ồn ào, nên anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1972 trú thôn N, xã H đang làm rẫy gần đó đến khuyên can nhưng không được. Tr lấy điện thoại gọi cho Trịnh Ngọc Th nói: "Coi rủ thêm ai nữa chạy vào gò Đạo chặn đánh thằng B kiểm lâm, đêm hôm nó bắt xe cây của em, mà giờ nó còn bắt than nữa". Sau khi nghe điện thoại xong, Th nói lại với Nguyễn Minh P và Trương Văn Ph đang ngồi nhậu cùng: "Thằng Linh nói nhờ chạy vào gò Đạo chặn xe thằng B kiểm lâm lại chứ hôm qua nó bắt xe cây của thằng Linh mà giờ còn bắt than nữa" Ph và P đồng ý. Ph điều khiển xe mô tô biển số 78M1-1686 chở Th và P đến gò Đạo thôn N, xã H trên đường đi, Th gọi điện thoại cho Bùi Văn M nói: "Mày chạy vào gò Đạo giúp anh đây một chút", M đồng ý và nhờ Lâm Văn Th, sinh năm 1999, trú tại: Thôn N, xã H điều khiển xe mô tô 78E1-074.51 chở M vào gò Đạo. Khi xe ô tô chở than đi được khoảng 01 km thì Ph điều khiển xe mô tô 78M1-1686 chở Th và P đến đứng trước đầu ô tô của tổ công tác, lúc này Th cũng vừa chở M đến. Tại đây, Tr tiếp tục xô xát, chửi bới anh B: "Mày bắt cây của tao ăn, mà giờ còn bắt than nữa". Th và P cũng lớn tiếng chửi bới dùng tây, chân đánh vào người anh T1 và anh T2, P nhặt viên đá đánh một cái trúng vào mũ bảo hiểm của anh T1. Trong lúc giằn co, xô xát với tổ công tác thì Tr nói: "Làm than khổ mà cứ canh bắt", rồi cùng với M lên xe ô tô tải đẩy 15 bao than xuống đất, ngăn cản không cho tổ công tác đưa than về UBND xã H, một lúc sau nghe tin có lực lượng Công an đến hỗ trợ thì cả nhóm bỏ đi.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 97/TgT, ngày 11/4/2018 và số 98/TgT ngày 12/4/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Nguyễn Nhất B bị thương tích 08%, Lê Ngọc T1 bị thương tích 0% do vật tày tác động.

Tại Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 24/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên đã truy tố các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh V và Bùi Văn M về tội "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo bị cáo Võ Ngọc T, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Nhất B; ông Lê Ngọc T1; ông Nguyễn T2; Trương Văn P1; Lâm Văn T3 đã khai toàn bộ hành vi phạm

tội của các bị cáo trên.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M phạm tội: "Chống người thi hành công vụ"; Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M; thêm Điều 65 đối với bị cáo Nguyễn Minh P, Bùi Văn M;

Phạt: -Võ Ngọc Tr từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Trịnh Ngọc Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Nguyễn Minh P, Bùi Văn M mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Nhất B, Lê Ngọc T1 và Nguyễn T2 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 tiêu hủy 01 câu liêm dài 35cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 20cm; 01 mũ bảo hiểm màu xanh rêu hiệu Kimtahelmet; tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, 01 điện thoại di động hiệu Masstel, 01 điện thoại di động hiệu Nokia; Trả xe mô tô biển số 78E1-115.09 cho ông Võ Minh Th; giao xe 78M1-1686 cho cơ quan điều tra Công an huyện P điều tra làm rõ nguồn gốc để xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Võ Ngọc Trưởng, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Phú Yên, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P tỉnh Phú Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 22/3/2018,

anh Nguyễn Nhất B, cán bộ Kiểm lâm huyện P và anh Nguyễn T2 - Cán bộ Lâm nghiệp xã đi tuần tra bảo vệ rừng tại khu vực S, Tiểu khu 267 thuộc thôn N, xã H thì phát hiện xe máy cày kéo rơ – mooc vận chuyển 15 bao than trái phép, thấy lực lượng tuần tra xe máy cày đổ than bỏ chạy, anh B gọi điện cho anh T6 báo cáo và xin thêm lực lượng hỗ trợ bắt giữ số than trên. Sau khi nhận được điện thoại anh T6 phân công anh Phan T4 – Trưởng công an xã; anh Nguyễn Ngọc C, Công an viên; anh Lê Ngọc T1 – Dân quân xã cùng lên tham gia hỗ trợ cho tổ công tác và thuê xe ô tô tải biển số 78C-028.36 của anh H để vận chuyển 15 bao than về UBND xã H, trên đường vận chuyển thì bị các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M chặn xe, dùng hung khí cản trở không cho lực lượng chức năng làm nhiệm vụ, nên truy tố, xét xử các bị cáo về tội: "Chống người thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo, dùng cô liêm, đá cứng chắc là hung khí nguy hiểm kề dao vào cổ, đánh vào vùng đầu của người đang thực hiện nhiệm vụ là rất manh động, nguy hiểm, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của lực lượng Kiểm lâm, Công an, Dân quân đang thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, gây mất trật tự, an ninh thông qua đó xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an – xã hội ở địa P, nên cần xử lý nghiêm. Mặc dù, các bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình giải quyết vụ án các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng hành vi chống người thi hành công vụ của các bị cáo thể hiện tính chất nguy hiểm ở mức độ cao nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm cho các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm vì tình trạng chống người thi hành công vụ trong thời gian qua có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp. Xét tính chất mức độ hành vi của các bị cáo thì bị cáo Tr là người chủ mưu xúi giục các bị cáo khác cùng phạm tôi; bị cáo Th gọi điện rủ rê bị cáo M, P cùng tham gia; bị cáo P, M khi bị Th rủ rê tích cực thực hiện việc phạm tội cùng các bị cáo khác. Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Tr phải cao hơn bị cáo Th; bị cáo Th phải cao hơn bị cáo P, M tuy nhiên để cho các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật nên hình phạt bị cáo Th, M, P là như nhau.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Nhất B, Lê Ngọc T1 và Nguyễn T2 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[5] Đối với hành vi của Trương Văn P1, Lâm Văn T3 Tòa án nhân dân huyện P,

tỉnh Phú Yên đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số: 03/2018/HSST-QĐ ngày 27/9/2018 để điều tra làm rõ hành vi đồng phạm của P1 và T3 cùng với các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện P có công văn số 326/CV-VKS ngày 16/10/2018 vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 24/8/2018 cho rằng Trương Văn P1, Lâm Văn T3 không đồng phạm với Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi văn M về tội chống người thi hành công vụ quy định tại Điều 330 Bộ luật hình sự 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[6] Vật chứng vụ án:

[6.1] Đối với 01 xe mô tô 78E1-115.09 loại sirius đứng tên Võ Minh T5 do Võ Ngọc Tr lấy đi và không biết Tr lấy đi đâu nên trả xe mô tô 78E1-115.09 loại sirius cho chủ sở hữu ông Võ Minh T5; Đối với 01 xe mô tô loại xe Win, hiệu MIKADO biển số 78M1-1686 Trương Văn P1 lấy xe của ông Phan Văn S để chở bị cáo Th, P. P1 khai xe này ông S mua phế liệu về rắp ráp, sử dụng qua điều tra xe đang đứng tên ông Nguyễn Hồng N biển số 81R7-3199 hiện nay không biết ông Nguyễn Hồng N ở đâu nên giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện P điều tra làm rõ để xử lý theo pháp luật; Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, tình trạng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 điện thoại di động hiệu Masstel tình trạng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 điện thoại di động hiệu Nokia tình trạng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2018 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

[6.2] 01 câu liêm dài 35cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 20cm; 01 mũ bảo hiểm màu xanh rêu hiệu Kimtahelmet không còn giá trị sử dụng. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2018 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi Văn M phạm tội "Chống người thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi văn M;

Phạt:

- Bị cáo **Võ Ngọc Tr 09** (chín) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Trịnh Ngọc Th 06** (sáu) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

- Bị cáo **Nguyễn Minh P 06** (sáu) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Bùi Văn M 06** (sáu) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Nhất B, Lê Ngọc T1 và Nguyễn T2 không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 câu liêm dài 35cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 20cm; 01 mũ bảo hiểm màu xanh rêu hiệu Kimtahelmet không còn giá trị sử dụng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2018 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

- Trả 01 xe mô tô 78E1-115.09 loại sirius đứng tên Võ Minh T5 cho chủ sở hữu ông Võ Minh T5; Giao 01 xe mô tô 78M1-1686 loại xe Win cho Cơ quan điều tra Công an huyện P điều tra làm rõ để xử lý theo pháp luật; Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, tình trạng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 điện thoại di động hiệu Masstel tình trạng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 điện thoại di động hiệu Nokia tình trạng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2018 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Võ Ngọc Tr, Trịnh Ngọc Th, Nguyễn Minh P và Bùi văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện P;
- Người tham gia tố tụng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện P;
- PV 27;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Pha

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 11 tháng 04 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 11 tháng 04 năm 2018;

Tại phòng nghị án – Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Thẩm phán: Ông Trần Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu On; ông Trần Hanh; bà Nguyễn Thị Xuân Thương.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2018/HSST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Hảo, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1971; tại: Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện P, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: 2B 81/1 Ấp 2, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh;

Bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 điều 139 Bộ luật Hình sự 1999.

Căn cứ vào Điều 299, 326, 354 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN HÌNH SỰ NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến: Bị cáo Nguyễn Văn Hảo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa thống nhất ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

2. Về Điều luật áp dụng:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa thống nhất ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

3. Về quyết định hình phạt:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến:

Phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Hảo** – 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/7/2017.

* Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa thống nhất ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

4. Về các vấn đề khác:

* Các Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa cùng thống nhất ý kiến:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Hảo phải bồi thường cho các bị hại: Bà **Đặng Thị Kim Hoa**: 343.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi ba triệu đồng*), đã bồi thường 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), còn phải tiếp tục bồi thường 193.000.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu đồng*); ông **Đặng Quang Anh**: 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), đã bồi thường 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), còn phải tiếp tục bồi thường 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*); ông **Dương Văn Đức**: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); ông **Nguyễn Anh Đức**: 62.000.000đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*); ông **Triệu Văn Minh**: 122.000.000đ (*Một trăm hai mươi hai triệu đồng*); ông **Đào Thanh Tuấn**: 62.000.000đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*); ông **Lê Chí Cửu**: 64.000.000đ (*Sáu mươi bốn triệu đồng*); ông **Trần Ngọc Nhân**: 64.000.000đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*).

Hoàn trả cho ông Đặng Quang Anh số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) mà bà Nguyễn Thị Hồng đại diện nộp thay cho bị cáo Nguyễn Văn Hảo tại Biên lai thu tiền số 0000086 ngày 30/01/2018 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Giành quyền cho bà Đặng Thị Kim Hoa khởi kiện số tiền 440.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Văn Hảo bằng vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Hảo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; 33.080.000đ (*Ba mươi ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

* Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa thống nhất ý kiến của 02 Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán phiên tòa.

Kết quả biểu quyết: 5/5.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhận đúng, ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**